

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/KDTM-PT
Ngày 27 tháng 10 năm 2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
 - Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Huyền
 - Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Trường Sơn;
Ông Nguyễn Hà Giang.
 - *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Giang Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
 - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLPT - KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/ KDTM – ST ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2020/QĐPT-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP QT (Sau đây gọi tắt là: Ngân hàng VIB). Địa chỉ: Tầng 1,6,7 Tòa nhà Corner Stone, số 16 P, quận H, thành phố H. Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V- Chức vụ: Tổng giám đốc. Người được ủy quyền: Ông Hà Hoàng H - Chức vụ: Giám đốc trung tâm Quản lý nợ khách hàng doanh nghiệp (*Theo giấy ủy quyền số 3.0139.17 ngày 16/01/2017*). Người được ủy quyền lại:

1. Ông Đỗ Ngọc T, sinh năm 1982 - Cán bộ phòng thu hồi nợ.
2. Ông Lê V, sinh năm 1957 - Cán bộ phòng thu hồi nợ. (*Văn bản ủy quyền số 4824.19 ngày 07/11/2019*)

Bị đơn: Công ty cổ phần thép S (Sau đây gọi là: Công ty thép S). Địa chỉ: Phố Đ, phường B, thành phố V, tỉnh P. Đại diện theo pháp luật bà Trần Thị Huệ C - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngũ Thành T - sinh năm 1981; Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thép S. Địa chỉ chỗ ở: Số 31, ngách 1, ngõ 211, đường K, phường K, quận T, thành phố H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần đầu tư phát triển V (Sau đây gọi là: Công ty V). Địa chỉ: Số 38B₅ Hoàng Ngân, phường T, quận C, thành phố H. Địa chỉ trụ sở chính hiện nay: Tầng 5, 21T₂ dự án H, số 1 N, phường T, quận T, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Bảo L - Chủ tịch hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thuý P, sinh năm 1986 (Theo văn bản ủy quyền số 17/2020/GUQ – VT ngày 29/9/2020)

Địa chỉ liên hệ: Lô 16B, Tầng 11, Tòa nhà C, số 117 T, phường T, quận C, H.

(Ông T, ông T, bà P đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP QT (Sau đây gọi tắt là: Ngân hàng VIB) trình bày: Công ty Cổ phần thép S (gọi tắt là Công ty thép S) vay vốn tại Ngân hàng VIB Việt Trì theo các Hợp đồng tín dụng số: 0035/HĐTD2-VIB033/10 ngày 06/12/2010 và 0002/HĐTD2-VIB 033/10 ngày 21/6/2010; 0026/HĐTD2-VIB033/11 ngày 21/10/2011 với tổng số tiền giải ngân là 67.223.000.000đ (Sáu mươi bảy tỷ hai trăm hai mươi ba triệu đồng) tiền gốc; Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên của Công ty thép S bao gồm: Nhà văn phòng và phân xưởng cán thép, xưởng cơ khí cùng toàn bộ vật phụ và trang thiết bị kèm theo, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm của Công ty thép S chi tiết theo các hợp đồng thế chấp số 0002.01/HĐTC-VIB33/10 ngày 21/6/2010 và Hợp đồng thế chấp số 0028.04/HĐTC-VIB33/09 ngày 18/11/2009; 02 xe ô tô TOYOTA: Biển kiểm soát 29X-4366 và 29X-4455 của Công ty thép S chi tiết theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0028.05/HĐTC2-VIB33/10 ngày 12/07/2010.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng VIB đã thực hiện giải ngân cho Công ty thép S theo đúng thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký. Tổng số tiền giải ngân là 67.223.000.000đ (Sáu mươi bảy tỷ hai trăm hai mươi ba triệu đồng) tiền gốc. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ thời gian đầu sau khi Công ty vay vốn tại Ngân hàng, tính đến thời điểm trước ngày 24/11/2011 phía Công ty đã trả nợ cho Ngân hàng là: 12.952.084.003đ (Mười hai tỷ chín trăm năm mươi hai triệu, không trăm linh ba đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, kể từ sau ngày 24/11/2011 Công ty thép S liên tục không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như lộ trình đã cam kết giữa hai bên. Việc vi phạm thời hạn thanh toán đã dẫn đến khoản vay của Công ty thép S đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 24/11/2011. Kể từ khi khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng VIB đã nhiều lần làm việc và tạo điều kiện cho Công ty thép S thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng VIB, tuy nhiên Công ty vẫn không trả được hết các khoản nợ cho Ngân hàng VIB. Ngày 11/3/2013 Tổng giám đốc Ngân hàng VIB đã ban hành Quyết định số 1173/2013/QĐ -VIB về việc: Thu hồi toàn bộ khoản nợ và thu giữ tài sản đảm bảo tiền vay của khách hàng là Công ty thép S. Cùng ngày Ngân hàng VIB đã ra Thông báo số 1174/2013/TB-VIB thông báo cho

Công ty thép S biết về việc: Xử lý tài sản bảo đảm nếu Công ty thép S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Ngân hàng VIB đã 02 lần có văn bản gửi Tòa án với nội dung không thể thương lượng với phía bị đơn là Công ty thép S nữa. Phía Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty thép S phải trả cho Ngân hàng VIB số tiền gốc còn nợ là 54.270.915.997đ và tiền lãi tính đến ngày 13/3/2020 là 151.890.662.784 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 1.847.416.665 đồng và nợ lãi quá hạn là 150.043.246.119 đồng). Tổng cả gốc và lãi là 206.161.578.78đ. Ngân hàng VIB tiếp tục tính lãi như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi Công ty thép S tstat toán khoản vay. Trường hợp Công ty thép S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo phán quyết, quyết định có hiệu lực của Tòa án thì Ngân hàng VIB được đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên và phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Đối với việc sửa chữa nhà xưởng và một số hạng mục đầu tư vào Công ty thép S của Công ty V. Quan điểm của Ngân hàng VIB là: Công ty V dự kiến mua nợ của các tổ chức tín dụng nhưng không thực hiện được. Để tiếp tục sản xuất Công ty V thỏa thuận tự nguyện với Công ty thép S sửa chữa lại Nhà xưởng để gia công sản xuất. Sau một thời gian gia công thép, hiện nay Công ty V đang tạm dừng gia công sản xuất. Đến nay Công ty V không thực hiện được việc mua nợ với Ngân hàng VIB và các tổ chức tín dụng chấm dứt hợp đồng mua bán nợ với Ngân hàng VIB. Do vậy, việc Công ty V yêu cầu hoàn trả lại số tiền sửa chữa là không có căn cứ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng về thời gian xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày tại phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng tại bản tự khai cũng như các văn bản đề nghị thì Công ty thép S đều thừa nhận có vay vốn và hiện còn nợ khoản vay tiền theo Hợp đồng tín dụng cũng như tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay đúng như Ngân hàng đã nêu trong nội dung khởi kiện. Quan điểm của Công ty thép S đề nghị Tòa án hoãn việc đưa ra xét xử vụ án để thương lượng giữa các bên tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất để trả nợ cho ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty V trình bày tại văn bản số 07.09/2018/VT-CV ngày 07/9/2018 cũng như tại lời khai ngày 13/01/2020 như sau: Công ty thép S trước đây là Công ty con của Tổng công ty Cổ phần S(Tổng công ty nhà nước - chiếm 87,6 % vốn điều lệ thực góp), đã phải dừng hoạt động từ tháng 02/2012 do khó khăn. Với mong muốn khôi phục lại Công ty thép S, Công ty V đã chủ động đứng ra tái cơ cấu lại vốn điều lệ của Công ty thép S. Ngày 01/12/2014 Công ty V và Công ty S đã ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh nhằm tái sản xuất kinh doanh trở lại. Tại thời điểm ký hợp đồng hợp tác, Công ty thép S dừng hoạt động đã 03 năm, tình trạng nhà xưởng máy móc thiết bị xuống cấp nghiêm trọng. Vì vậy khi đưa Công ty thép Sv ào hoạt động sản xuất, Công ty V đã phải đầu tư rất lớn để sửa chữa nhà văn phòng, đặc biệt phải thay mới gần như hoàn toàn phần mái tôn của nhà xưởng với giá trị đầu tư hàng tỷ đồng. Cụ thể: Hợp đồng sửa chữa nhà xưởng theo hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất là 1.495.287.665đ

(Một tỷ bốn trăm chín mươi lăm triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng); Bảng kê chi tiền lắp công xép, hợp đồng bảo vệ năm 2017-2018-2019, tiền điện nước, tiền sơn sửa nhà điều hành văn phòng. Tổng các khoản Công ty V theo bảng kê chi phí đầu tư, hỗ trợ nhà máy thép Slà 3.197.958.605đ (Ba tỷ một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm linh năm nghìn đồng).

Hiện nay Ngân hàng VIB khởi kiện Công ty thép S, quan điểm của Công ty V là đề nghị Tòa án xem xét và làm rõ quyền lợi của Công ty V trong việc thẩm định và xử lý tài sản (nếu có) trong quá trình giải quyết vụ án. Trong trường hợp không được xem xét quyền lợi liên quan, Công ty V có quyền tháo dỡ, thu hồi phần tài sản đã đầu tư, như vậy sẽ ảnh hưởng đến giá trị của tài sản hoặc dẫn đến tranh chấp về quyền lợi giữa Công ty V và Ngân hàng VIB, ảnh hưởng đến việc tái cơ cấu Công ty. Quan điểm của Công ty đề nghị Tòa án hoãn việc đưa ra xét xử vụ án để thương lượng giữa các bên tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất để trả nợ cho Ngân hàng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2020/KDTM –ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V đã Quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 9, 10, 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Điều 305, 348, 352, 355, 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005; Điều 280, 304, 320, 326, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần QT

1. Buộc Công ty cổ phần thép S phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần QT số tiền theo các hợp đồng tín dụng: 0026/HĐTD2-VIB033/11 ngày 21/10/2011; 0035/HĐTD2-VIB033/10 ngày 06/12/2010 và 0002/HĐTD2-VIB033/10 ngày 21/6/2010. Cụ thể tiền gốc còn nợ là 54.270.915.997đ (*Năm mươi tư tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, chín trăm mười lăm nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng*) và tiền lãi tính đến ngày 13/3/2020 là 151.890.662.784đ (*Một trăm năm mươi một tỷ, tám trăm chín mươi triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi tư đồng*). (Trong đó nợ lãi trong hạn là 1.847.416.665 đồng và nợ lãi quá hạn là 150.043.246.119 đồng). Tổng cả gốc và lãi là 206.161.578.781đ (*Hai trăm linh sáu tỷ, một trăm sáu mươi một triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi một đồng*).

2. Nếu Công ty cổ phần thép S không trả được số tiền trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần QT có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là:

+ Nhà văn phòng và phân xưởng cán thép, xưởng cơ khí cùng toàn bộ vật phụ và trang thiết bị kèm theo, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm

của Công ty cổ phần thép S chi tiết theo các hợp đồng thế chấp số 0002.01/HĐTC-VIB33/10 ngày 21/6/2010 và Hợp đồng thế chấp số 0028.04/HĐTC-VIB33/09 ngày 18/11/2009.

+ 02 xe ô tô TOYOTA của Công ty cổ phần thép S chi tiết theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0028.05/HĐTC2-VIB33/10 ngày 12/07/2010

Bản án còn tuyên về án phí và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 30/3/2020 Công ty Cổ phần thép S kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm yêu cầu Ngân hàng TMCP QT tính toán lại số nợ gốc Công ty cổ phần thép S còn nợ đúng với thực tế và với nội dung các biên bản thoả thuận trong quá trình xử lý tài sản đảm bảo là thép thành phẩm để trả nợ cho Ngân hàng từ năm 2013 đến năm 2019, tính toán lại số nợ lãi mà Công ty cổ phần thép S còn phải trả Ngân hàng TMCP QT.

Ngày 30/3/2020 Công ty cổ phần đầu tư và phát triển V có đơn kháng đề nghị cấp phúc thẩm: Yêu cầu Ngân hàng TMCP QT và Tòa án cấp sơ thẩm công nhận quyền lợi hợp pháp, giá trị đầu tư của Công ty cổ phần đầu tư phát triển V vào Công ty cổ phần thép S với tổng số tiền là: 3.197.958.605đ (*Ba tỷ một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm linh năm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa Công ty cổ phần thép S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đưa được chứng cứ mới cho việc kháng cáo của mình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại giá bán thép thành phẩm như trong quá trình xử lý tài sản đảm bảo là thép thành phẩm mà các bên đã thống nhất và giá của Công ty TNHH thẩm định định giá Vinacontrol với giá bán thực tế.

Tại phiên tòa Công ty cổ phần đầu tư và phát triển V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; không đưa được chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo của mình và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận số tiền Công ty đã đầu tư, sửa chữa, thuê nhân công.....vào Công ty cổ phần thép S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng của Công ty cổ phần thép S và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển V. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 02/2020/KDTM –ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo Công ty Cổ phần thép S. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng TMCP QT và Công ty cổ phần thép S hai bên ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp

đồng thể chấp. Các bên ký kết hợp đồng tín dụng số: 0035/HĐTD2-VIB033/10 ngày 06/12/2010 và 0002/HĐTD2-VIB 033/10 ngày 21/6/2010; 0026/HĐTD2-VIB033/11 ngày 21/10/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, do các cá nhân có đầy đủ tư cách đại diện và năng lực hành vi dân sự giao kết. Nội dung và điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Các đương sự cũng không tranh chấp gì về nội dung và điều khoản của hợp đồng. Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng Ngân hàng TMCP QT đã giải ngân cho Công ty cổ phần thép S tổng số tiền là 67.223.000.000đ. Do đó, xác định hợp đồng tín dụng có hiệu lực thi hành đối với các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP QT đã thực hiện việc giải ngân cho Công ty cổ phần thép S theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng, đồng thời Công ty cổ phần thép S đã thực hiện một phần nghĩa vụ của mình như hợp đồng đã cam kết, Công ty cổ phần thép S đã trả được khoản tiền gốc 12.952.084.003đ và lãi trong hạn đã trả là 6.343.580.598đ. Sau đó Công ty cổ phần thép S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như lộ trình đã cam kết giữa hai bên, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tại phiên toà đại diện Công ty cổ phần thép S thừa nhận khoản tiền đã được giải ngân và số tiền đã trả được cho Ngân hàng, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại giá bán thép thành phẩm giữa Công ty TNHH thẩm định định giá Vinacontrol (năm 2013) và Hợp đồng mua bán thép xây dựng (năm 2013) với giá bán thực tế (năm 2016) để xem xét số tiền gốc của Công ty cổ phần thép S còn nợ Ngân hàng VIB. Xét thấy: Đối với giá chênh lệch giữa thẩm định định giá của Vinacontrol với từng loại thép có giá từ 13.661.000đ/kg - 13.161.000đ/kg và Hợp đồng kinh tế số 18/2013/HĐKT/SHS-VT ngày 27/12/2013 về việc mua bán thép xây dựng thống nhất về giá là: 11.300.000đ (BL 761 – 763). Với hợp đồng kinh tế được ký kết về việc mua bán thép xây dựng đã được các bên Ngân hàng và Công ty cổ phần thép S và Công ty cổ phần đầu tư V thống nhất về giá là 11.300.000đ/kg từ năm 2013, nhưng do chưa bán được thép và thực tế thép vẫn nằm trong kho của Công ty cổ phần thép S khi nào bán được thép mới xuất kho và xuất hoá đơn. Tại hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 122/2016/HĐMB ngày 01/7/2016 về việc bán đấu giá tài sản được thể hiện: Bên bán tài sản là 05 Ngân hàng (Ngân hàng SHB Hà Nội; Ngân hàng SeABank; Ngân hàng MHB; Ngân hàng HDBank; Ngân hàng VIB) và Công ty cổ phần thép S; đại diện ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá là Ngân hàng SHB Hà Nội và Công ty cổ phần thép S.... với giá 8.210.000đ/kg, với tổng số tiền bán được 20.183.217.700đ (BL 758 – 760). Như vậy, tại thời điểm bán thép Công ty cổ phần thép S là đại diện ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, các bên đã có sự bàn bạc thống nhất về giá tại thời điểm bán thép. Hơn nữa, trên thực tế thép vẫn được lưu giữ tại kho của Công ty cổ phần thép S, khi bán Công ty sẽ xuất kho và hoá đơn. Do vậy, kháng cáo của Công ty cổ phần thép S đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại chênh lệch về giá dẫn đến tính lãi suất của Công ty cổ phần thép S còn nợ lại Ngân hàng VIB là không có căn cứ.

[2]. *Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển V.* Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty thép S và Công ty đầu tư phát triển V đã ký kết Hợp đồng số 01/2014/HTKD/VT- SHS ngày 01/12/2014 về hợp tác kinh doanh (BL746) mục

tiêu hai bên cùng góp vốn tiền, tài sản và cùng tiến hành sản xuất kinh doanh thép xây dựng, phân chia lợi nhuận (Theo Điều 6 của HĐ), nhưng khi hai bên ký kết tài sản của Công ty cổ phần thép S đã thế chấp làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng VIB, trong khi đó Ngân hàng đang là người quản lý tài sản trên để đảm bảo cho các khoản vay. Như vậy, Ngân hàng VIB là bên thứ ba, khi hai Công ty ký kết hợp đồng Hợp tác kinh doanh không báo cho Ngân hàng là bên có tài sản là một thiếu sót. Do vậy, Công ty cổ phần đầu tư V đã đầu tư cơ sở vật chất vào Công ty cổ phần thép S như: sửa chữa nhà xưởng, lắp cổng, thuê nhân công bảo vệ, tiền điện nước, tiền sơn sửa nhà điều hành văn phòng ... Tổng các khoản Công ty V theo bảng kê chi phí đầu tư, hỗ trợ Công ty cổ phần thép S là 3.197.958.605đ (Ba tỷ một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm linh năm nghìn đồng). Tại cấp sơ thẩm Công ty cổ phần đầu tư V không có yêu cầu giải quyết nội dung này theo quy định. Nếu có đủ căn cứ Công ty cổ phần đầu tư V khởi kiện trong vụ án khác. Do vậy, kháng cáo của Công ty cổ phần đầu tư V không được xem xét.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty cổ phần thép S và Công ty cổ phần đầu tư phát triển V phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần thép S và Công ty cổ phần đầu tư phát triển V; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM – ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của [Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 9, 10, 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Điều 305, 348, 352, 355, 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005; Điều 280, 304, 320, 326, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam.

1. Buộc Công ty cổ phần thép S phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần QT số tiền theo các hợp đồng tín dụng: 0026/HĐTD2-VIB033/11 ngày 21/10/2011; 0035/HĐTD2-VIB033/10 ngày 06/12/2010 và 0002/HĐTD2-VIB033/10 ngày 21/6/2010. Cụ thể tiền gốc còn nợ là 54.270.915.997đ (*Năm mươi tư tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, chín trăm mười lăm nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng*) và tiền lãi tính

đến ngày 13/3/2020 là 151.890.662.784đ (*Một trăm năm mươi một tỷ, tám trăm chín mươi triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi tư đồng*). (Trong đó nợ lãi trong hạn là 1.847.416.665 đồng và nợ lãi quá hạn là 150.043.246.119 đồng). Tổng cả gốc và lãi là 206.161.578.781đ (*Hai trăm linh sáu tỷ, một trăm sáu mươi một triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi một đồng*).

2. Nếu Công ty cổ phần thép S không trả được số tiền trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần QT có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là:

+ Nhà văn phòng và phân xưởng cán thép, xưởng cơ khí cùng toàn bộ vật phụ và trang thiết bị kèm theo, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm của Công ty cổ phần thép S chi tiết theo các hợp đồng thế chấp số 0002.01/HĐTC-VIB33/10 ngày 21/6/2010 và Hợp đồng thế chấp số 0028.04/HĐTC-VIB33/09 ngày 18/11/2009.

+ 02 xe ô tô TOYOTA của Công ty cổ phần thép S chi tiết theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0028.05/HĐTC2-VIB33/10 ngày 12/07/2010.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần thép S phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận Công ty cổ phần thép S đã nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại theo biên lai số 0000951 ngày 15/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

Công ty cổ phần đầu tư phát triển V phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận Công ty cổ phần đầu tư phát triển V đã nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại theo biên lai số 0000952 ngày 15/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Chi cục THADS TP V;
- TAND TP V;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền